TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2024/DS-ST
Ngày: 28-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lã Văn K, sinh năm 1984 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1985; cùng địa chỉ: Số 30, Đ1, T2, K3, phường T2, thành phố B, tỉnh B1; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Y, sinh năm 2001; địa chỉ: T1, K, phường C, thành phố B, tỉnh B1; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2024), có mặt.

Bị đơn: Ông Phùng Tấn H, sinh năm 1975 và bà Thượng Thị Kim T, sinh năm 1979; cùng địa chỉ: Số 63, Đ1, K1, phường M, thành phố B, tỉnh B1; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ và vợ chồng ông Phùng Tấn H, bà Thượng Thị Kim T có quen biết nhau. Khoảng tháng 8/2022, giữa các bên có cùng nhau thỏa thuận góp vốn để mua 01 chiếc xe tải biển số 61H 07798 trị giá 1.800.000.000 đồng, trong đó ông Lã Văn K và bà Nguyễn Thị Đ góp số tiền 900.000.000 đồng.

Trong quá trình làm ăn chung, ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ nhận thấy công việc không phù hợp đã giao lại xe cho ông H và bà T được toàn quyền sở hữu và sẽ thu

lại số tiền 900.000.000 đồng. Khi đã bàn giao xe, ông K và bà Đ không còn liên quan và không chịu trách nhiệm đối với chiếc xe. Nội dung thỏa thuận giữa các bên được lập thành "Hợp đồng giao xe" ngày 01/8/2022 có chữ ký, dấu lăn tay của ông K, bà Đ và ông H, bà T.

Ông H, bà T thỏa thuận trả cho ông K, bà Đ số tiền 900.000.000 đồng theo hai hình thức như sau:

Hình thức 1: Số tiền 400.000.000 đồng sẽ trả góp hàng tháng trong thời hạn 5 năm do ông K đã vay tại ngân hàng góp vốn mua xe.

Hình thức 2: Số tiền 500.000.000 đồng, ông K, bà Đ cho ông H, bà T mượn lại kể từ ngày 01/8/2022 đến ngày 31/12/2023. Hàng tháng, ông H phải trả số tiền lãi 5.000.000 đồng cho ông K và bà Đ.

Từ khi lập văn bản thỏa thuận cho đến nay, ông H, bà T không trả cho ông K, bà Đ khoản tiền nào. Hàng tháng, ông K và bà Đ vẫn phải đóng tiền lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng cho ngân hàng.

Nhận thấy, hành vi của ông H, bà T đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K, bà Đ nên ông K, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H và bà T liên đới trả số tiền 900.000.000 đồng.

- Buộc ông H và bà T liên đới trả tiền lãi đối với số tiền 400.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 28/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 10%/năm là 400.000.000 đồng x 07 tháng 27 ngày x 10%/năm = 26.333.333 đồng.

- Buộc ông H và bà T liên đới trả tiền lãi đối với số tiền 500.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 28/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 10%/năm là 500.000.000 đồng x 24 tháng 27 ngày x 10%/năm = 103.335.000 đồng.

Tổng cộng, ông K, bà Đ yêu cầu ông H, bà T phải trả số tiền 1.029.668.333 đồng.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tính từ tháng 8/2022 đến tháng 8/2024 là 73.704.440 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu.

Về án phí sơ thẩm: Ông H và bà T phải chịu toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn (ông Phùng Tấn H và bà Thượng Thị Kim T) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến và không cung cấp chứng cứ, tài liệu cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Về nội dung vụ án: Bị đơn đã vi phạm thỏa thuận đã giao kết, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng góp vốn, hiện tại bị đơn cư trú tại địa chỉ: Số 63, Đ1, K1, phường M, thành phố B, tỉnh B1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ để tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét nguyên đơn tranh chấp với bị đơn đối với số tiền thỏa thuận tại "Hợp đồng giao xe" lập ngày 01/8/2022, không tranh chấp đối với quyền sở hữu chiếc xe. Tại Văn bản số 88/PC08(ĐKX) của Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh B1 xác định chiếc xe biển số 61H-07798 đã được làm thủ tục đăng ký, sang tên và Phòng Cảnh sát Giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp biển số 38H-028.84 cho ông Phan Giang Nam. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng xác định chỉ tranh chấp về số tiền thỏa thuận tại "Hợp đồng giao xe" lập ngày 01/8/2022. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc đưa ông Phan Giang N vào tham gia tố tụng trong vụ án là không cần thiết.

[3] Về chứng cứ: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định đã cung cấp đủ các tài liệu, chứng cứ và không yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có ý kiến. Do đó, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Ngày 01/8/2022, giữa ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ và ông Phùng Tấn H, bà Thượng Thị Kim T lập "Hợp đồng giao xe" với nội dung: Ông K, bà Đ giao lại 01 chiếc xe tải biển số 61H-07798 trị giá 1.800.000.000 đồng cho ông H, bà T được toàn quyền sở hữu chiếc xe và sẽ thu lại số tiền 900.000.000 đồng. Xét giao dịch được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, mục đích, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà T vi phạm thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông K và bà Đ.

[4.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 73.704.440 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút.

[4.4] Đối với các yêu cầu còn lại của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với số tiền 900.000.000 đồng: Theo "Hợp đồng giao xe" lập ngày 01/8/2022 thể hiện ông Lã Văn K và bà Nguyễn Thị Đ bàn giao lại 01 chiếc xe tải biển số xe 61H 07798, trị giá 1.800.000.000 đồng cho ông Phùng Tấn H và bà Thượng Thị Kim T được toàn quyền sở hữu và ông K, bà Đ sẽ thu lại số tiền 900.000.000 đồng. Thỏa thuận giữa các bên được lập thành văn bản là "Hợp đồng giao xe" có chữ ký và dấu lăn tay của các bên. Quá trình giải quyết vụ án, ông H và bà T không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của ông K, bà Đ và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án thể hiện việc đã thực hiện một phần hay toàn bộ nghĩa vụ

đối với ông K, bà Đ. Căn cứ Điều 385 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy ông K, bà Đ khởi kiện ông K, bà Đ đối với số tiền 900.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền lãi: Ông K, bà Đ yêu cầu ông H, bà T có nghĩa trả tiền lãi với lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền lãi ông H, bà T phải trả cho ông K, bà Đ cụ thể như sau:

Số tiền lãi đối với số tiền gốc 400.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2024 đến ngày 28/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 10%/năm là 400.000.000 đồng x 07 tháng 27 ngày x 10%/năm = 26.333.333 đồng.

Số tiền lại đối với số tiền gốc 500.000.000 đồng tính từ ngày 01/8/2022 đến ngày 28/8/2024 (ngày xét xử sơ thẩm) với lãi suất 10%/năm là 500.000.000 đồng x 24 tháng 27 ngày x 10%/năm = 103.335.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền ông H, bà T phải có nghĩa vụ trả cho ông K, bà Đ là 1.029.668.333 đồng (một tỷ không trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo án phí quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 293, Điều 357, Điều 385, Điều 422 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Phùng Tấn H, bà Thượng Thị Kim T đối với số tiền 73.704.440 đồng (bảy mươi ba triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn bốn trăm bốn mươi đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Phùng Tấn H, bà Thượng Thị Kim T về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp vốn".

Buộc ông Phùng Tấn H và bà Thượng Thị Kim T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lã Văn K, bà Nguyễn Thị Đ số tiền 1.029.668.333 đồng (một tỷ không trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trong đó:

- Tiền gốc: 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng).

- Tiền lãi: 129.668.333 đồng (một trăm hai mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lã Văn K và bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền 21.827.671 đồng (hai mươi mốt triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bảy mươi mốt đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000893 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B1.

Ông Phùng Tấn H và bà Thượng Thị Kim T phải liên đới chịu 42.890.050 đồng (bốn mươi hai triệu tám trăm chín mươi nghìn không trăm năm mươi đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thế Chính